

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày 01 - 6 - 2021
V/v trAh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hình;
2. Bà Trần Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện VKSND huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 10/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về trAh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-DS ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 48, đường Lê Lợi, Tổ dân phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh N; sinh năm 1971; HKTT: Số nhà 49, đường L, Tổ S, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã G, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA: Ông Trần Phúc A; sinh năm 1970; HKTT: Số nhà 49, đường L, Tổ S, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã G, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt do bận việc gia đình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/10/2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nội dung: Trong thời gian từ ngày 17/10/2017 đến ngày 13/8/2018, bà L cho bà N vay 03 lần với tổng số tiền 650.000.000 đồng. Do bà N không trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu bà N trả khoản nợ 650.000.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà L thừa nhận cho bà N vay tiền với lãi suất 6%/tháng để bà N làm dịch vụ đảo hạn ngân hàng. Do bà N đã trả được 270.600.000 đồng tiền lãi nên bà L đồng ý trừ vào nợ gốc, yêu cầu vợ chồng bà N, ông A liên đới trả cho bà khoản nợ còn lại 379.400.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh là bản chính 03 văn bản nhận nợ viết tay ghi ngày 17/10/2017, 14/6/2018, 13/8/2018 có chữ ký của bà Trần Thị Thanh N.

Theo đơn đề nghị ghi ngày 18/01/2019 của bà Trần Thị Thanh N; Bản tự khai ngày 23/01/2019 của vợ chồng bà Trần Thị Thanh N, ông Trần Phúc A; Biên bản ghi lời khai ngày 30/01/2019 và lời khai của bà N tại phiên tòa có nội dung: Từ ngày 17/10/2017 đến ngày 13/8/2018, bà N 03 lần vay của bà L tổng số tiền 650.000.000 đồng với lãi suất 6%/tháng. Số tiền đã vay bà N cho người khác vay lại với lãi suất 9%/tháng, nhằm hưởng chênh lệch lãi suất để phục vụ cuộc sống chung của gia đình. Sau đó bà N đã trả cho bà L được 270.600.000 đồng tiền lãi. Nay đề nghị trừ 270.600.000 đồng tiền lãi đã trả vào nợ gốc và đồng ý trả khoản nợ còn lại 379.400.000 đồng như bà L yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ L, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, buộc bà Trần Thị Thanh N và ông Trần Phúc A trả cho bà Nguyễn Thị L 379.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là ông Trần Phúc A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Phúc A là đúng pháp luật.

[2] Căn cứ tài liệu là bản chính 03 văn bản viết tay do bà L giao nộp làm chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình tố tụng có cơ sở xác định: Trong thời gian từ ngày 17/10/2017 đến ngày 13/8/2018, bà L 03 lần cho bà N vay tổng số tiền 650.000.000 đồng, sau đó bà N đã trả cho bà L được 270.600.000 đồng. Do tiền vay được bà N cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn để hưởng chênh lệch lãi suất nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, cần áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, buộc vợ chồng bà N, ông A trả cho bà L khoản nợ còn lại 379.400.000 đồng như bà L yêu cầu là đúng pháp luật.

[3] Về án phí: Vợ chồng bà N, ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán với số tiền án phí là: $379.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.970.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Trần Thị Thanh N và ông Trần Phúc A phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L khoản nợ 379.400.000 đồng (ba trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Buộc bà Trần Thị Thanh N và ông Trần Phúc A phải liên đới chịu 18.970.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L 15.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2016/0009335 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh L;
- VKSND huyện D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ